

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2019/DS-ST

Ngày: 04-9-2019

V/v “*tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Ông Nguyễn Đỗ Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức: Bà Ngô Thị Hồng Phương.

Ngày 04 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 06 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Hùng T, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: 127/19/1 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Thu V, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, thôn Tân Bình, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: 127/19/1 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Hùng T trình bày:

Vào ngày 20-4-2011 ông Lương Hùng T có cho bà Đặng Thị Thu V vay số tiền là 50.000.000đ với lãi suất là 2%/tháng. Đến tháng 8 năm 2011 ông T cho bà V vay tiếp 75.000.000đ cũng với lãi suất là 2%/tháng. Bà V có trả cho ông T lãi suất đến tháng 12 năm 2011 và từ tháng 01 năm 2012 đến nay thì không trả lãi suất nữa. Từ lúc đó đến nay ông T đã liên tục yêu cầu bà V phải trả số tiền gốc và lãi suất còn thiếu tuy nhiên bà V mới trả cho ông T được số tiền gốc là 17.000.000đ ngoài ra không trả tiền lãi suất. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V phải trả cho ông T số tiền gốc còn thiếu là 108.000.000đ và tiền lãi suất trên số nợ gốc 108.000.000đ với mức lãi suất là 1,2%/tháng từ tháng 01 năm 2012 đến khi Tòa xét xử xong vụ án. Sau khi Tòa án xét xử xong vụ án mà bà V chưa trả hết số nợ gốc và lãi suất ông T yêu cầu bà V phải tiếp tục trả lãi suất theo qui định của pháp luật.

Tại thời điểm cho bà Đặng Thị Thu V vay tiền thì ông T chỉ giao dịch và đưa tiền cho bà V còn chồng bà V là ông Nguyễn Quốc Tân ông T không biết và không yêu cầu ông Tân trả nợ, chỉ yêu cầu bà V trả nợ cho ông T.

Tại bản khai, các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị Thu V trình bày :

Bà V đồng ý là vào ngày 20-4-2011 có vay của ông Lương Hùng T số tiền là 50.000.000đ với lãi suất là 2%/tháng. Đến tháng 8 năm 2011 bà V vay tiếp 75.000.000đ cũng với lãi suất là 2%/tháng. Bà V đã trả tiền lãi suất cho ông T đến tháng 12 năm 2011, từ tháng 01 năm 2012 đến nay bà V không trả lãi suất cho ông T nữa. Từ tháng 01 năm 2012 đến nay bà V đã trả cho ông T tổng số tiền gốc là 17.000.000đ, còn nợ lại ông T số tiền gốc là 108.000.000đ. Nay bà V đồng ý trả nợ gốc cho ông T là 108.000.000đ tuy nhiên do không có khả năng trả một lần số tiền trên nên bà V xin trả dần cho ông T hàng tháng là 1.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ gốc cho ông T. Bà V không đồng ý trả lãi suất cho ông T vì hiện bà V không có khả năng trả lãi suất.

Tại thời điểm bà Đặng Thị Thu V vay tiền của ông Lương Hùng T thì bà V và ông Nguyễn Quốc Tân vẫn là vợ chồng chưa ly hôn, hiện tại bà V và ông Tân đã ly hôn. Số tiền bà V vay ông T là tiền vay để làm ăn mua bán riêng không liên quan gì đến ông Tân, bà V không bỏ số tiền này vào tài sản chung của vợ chồng cũng không chi tiêu trong gia đình nên nay bà V đồng ý 1 mình đứng ra trả toàn bộ số nợ còn thiếu cho ông T, không yêu cầu ông Tân trả nợ cùng.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là bà Đặng Thị Thu V chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Hùng T, buộc bà Đặng Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho ông Lương Hùng T số tiền vay còn thiếu là 108.000.000đ và lãi suất 1,2%/tháng từ tháng 01 năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Án phí: Bà Đặng Thị Thu V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Đây là “tranh chấp về hợp đồng dân sự” nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại tổ 8, thôn Tân Bình, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về nội dung: Qua các bản khai của các đương sự cũng như quá trình hòa giải, làm việc tại Tòa án, các chứng cứ mà các bên cung cấp và lời khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng vào 20-4-2011 bà Đặng Thị Thu V có vay của ông Lương Hùng T số tiền là 50.000.000đ với lãi suất là 2%/tháng. Đến tháng 8 năm 2011 bà V vay ông T tiếp số tiền là 75.000.000đ cũng với lãi suất là 2%/tháng. Bà V đã trả được lãi suất cho ông T đến tháng 12 năm 2011, từ tháng 01 năm 2012 đến nay bà V không trả lãi suất cho ông T nữa. Từ tháng 01 năm 2012 đến nay bà V đã trả cho ông T tổng số tiền gốc là 17.000.000đ, còn nợ lại ông T số tiền gốc là 108.000.000đ. Nay bà V đồng ý trả nợ gốc cho ông T là 108.000.000đ tuy nhiên do không có khả năng trả một lần số tiền trên nên bà V xin trả dần cho ông T hàng tháng là 1.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ gốc cho ông T. Bà V không đồng ý trả lãi suất cho ông T vì hiện bà V không có khả năng trả lãi suất.

Qua lời trình bày của các bên cũng như các chứng cứ mà các bên cung cấp chứng tỏ việc vay tiền giữa bà Đặng Thị Thu V và ông Lương Hùng T là có thật nên cần buộc bà Đặng Thị V phải trả cho ông Lương Hùng T số tiền vay còn thiếu là 108.000.000đ.

Về lãi suất: Bà Đặng Thị Thu V vay ông Lương Hùng T tổng số tiền là 125.000.000đ với lãi suất là 2%/tháng. Từ tháng 01 năm 2012 đến nay bà V không trả lãi suất cho ông T nữa, việc này đã được các bên thừa nhận, như vậy việc vay tiền với mức lãi suất 2%/tháng là có thật. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Lương Hùng T yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc bà V trả cho ông T số tiền lãi suất còn thiếu trên số nợ gốc với mức lãi suất là 1,2% tháng từ tháng 01 năm 2012 đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng thời yêu cầu bà V tiếp tục trả khoản lãi suất phát sinh từ ngày 05-9-2019 trở đi theo qui định của pháp luật. Nay bà V không đồng ý trả lãi suất cho ông T tuy nhiên căn cứ vào Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự thì bà V phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền lãi suất cho ông T từ tháng 01 năm 2012 đến nay nếu mức lãi suất phù hợp với các qui định của pháp luật. Mức lãi suất mà ông T yêu cầu thấp hơn mức lãi suất 2% mỗi tháng mà các bên đã giao kết trong hợp đồng vay tài sản trên, đây là sự tự nguyện của ông T, không trái với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bà V phải trả cho ông T số tiền lãi suất còn thiếu từ tháng 01 năm 2012 đến ngày 04-9-2019 là 119.404.800đ. Việc yêu cầu bà V tiếp tục trả khoản lãi suất phát sinh từ ngày 05-9-2019 trở đi theo qui định của pháp luật cho đến khi bà V trả hết các khoản nợ cho ông T là đúng theo qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lương Hùng T thừa nhận tại thời điểm ông T cho bà Đặng Thị Thu V vay tiền thì ông T chỉ giao dịch và đưa tiền cho bà V còn chồng bà V là ông Nguyễn Quốc Tân ông T không biết, nay ông T cũng không yêu cầu ông Tân trả nợ, chỉ yêu cầu bà V trả toàn bộ số nợ còn thiếu cho ông T. Bà V cũng thừa nhận số tiền vay ông T là tiền vay để bà V làm ăn mua bán riêng không liên quan gì đến ông Tân, bà V không bỏ số tiền này vô tài sản chung của vợ chồng cũng không chi tiêu trong gia đình nên nay bà V đồng ý 1 mình đứng ra trả toàn bộ số nợ còn thiếu cho ông T, không yêu cầu ông Tân trả nợ cùng. Việc các đương sự thỏa thuận không yêu cầu ông Nguyễn Quốc Tân trả nợ cho ông T là sự tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với các qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cần buộc một mình bà V trả toàn bộ số nợ còn thiếu cho ông T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Lương Hùng T được Tòa án chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đặng Thị Thu V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $(108.000.000đ + 119.404.800đ) \times 5\% = 11.370.200đ$. Tuy nhiên bà Đặng Thị Thu V có đơn xin miễn giảm án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận bà V hiện tại gia đình đang trong hoàn cảnh khó khăn, căn cứ vào khoản 1 Điều 13 và khoản 4 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà V được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm, như vậy bà V còn phải chịu 5.685.100đ (năm triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 15, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bà Đặng Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho ông Lương Hùng T số tiền gốc là 108.000.000đ và lãi suất là 119.404.800đ. Tổng số tiền bà V phải trả cho ông T là 227.404.800đ (hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Thu V phải chịu 5.685.100đ (năm triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Hùng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lương Hùng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.175.000đ (bảy triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007424 ngày 11-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (04-9-2019); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền

